

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 276/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26 – 7 – 2022

“Về tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hứa Minh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Duyên Văn Hiền

2. Ông Đỗ Quốc Tuấn

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Minh Chiến, là Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2022/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 248/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Sơn Chí L, sinh năm: 1987 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Diệu H, sinh năm: 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 18/4/2022, anh Sơn Chí L trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Diệu H xác lập quan hệ hôn nhân và chung sống vợ chồng từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục, tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận.

Quá trình chung sống, anh L cho rằng vợ, chồng luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, gia đình hai bên có hòa giải nhiều lần nhưng không có hiệu quả nên anh và chị H đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 đến nay. Do đó, anh

xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh L xác định giữa anh và chị H có 04 người con chung là Sơn Chí L1, sinh ngày 04/11/2008, Sơn Chí M, sinh ngày 29/7/2011, Sơn Cẩm T, sinh ngày 30/3/2013, Sơn Chí D, sinh ngày 13/5/2015. Hiện cháu L1, cháu M đang sống chung với anh L; cháu T, cháu D đang sống chung với chị H. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu L1 và cháu M; giao cháu T và cháu D cho chị H tiếp tục nuôi; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh L xác định tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Anh L khai rằng giữa anh và chị H không có nợ chung và không ai nợ lại anh, chị.

* Đối với chị Nguyễn Diệu H vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Về loại việc tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Tranh chấp giữa anh L và chị H là tranh chấp về ly hôn và nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc vắng mặt của chị H: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa để tham gia hòa giải và xét xử vụ án nhiều lần thông qua thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng nhưng chị H đều vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có ý kiến phản hồi để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định. Đối với việc đề nghị vắng mặt của anh L, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Anh Sơn Chí L và chị Nguyễn Diệu H xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 2011 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống, do vợ chồng có nhiều điểm bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, dẫn đến tình cảm sức mẻ, không quan tâm, chăm sóc, cảm thông, chia sẻ lẫn nhau. Xét mâu thuẫn thực tế là có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ chồng của anh chị, mỗi người đều có cách sống, cách nghĩ khác nhau. Từ đó, giữa vợ chồng đã nhiều lần cãi vã, làm mất lòng tin đối với nhau, mỗi người có cuộc sống và mối quan hệ riêng tư, không quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau. Mặt khác, sau khi xảy ra mâu thuẫn, anh L và chị H tự sống ly thân nhau nhiều năm để anh, chị tự dung hoà nhằm hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng không có hiệu quả. Thời gian này để cho anh, chị có điều kiện thử thách bản thân, suy ngẫm về cuộc sống vợ chồng đã qua nhằm tìm cách tháo gỡ, khắc phục khuyết điểm của mỗi bên để vợ, chồng đoàn tụ nhưng không ai có biện pháp gì để khắc

phục tình trạng mâu thuẫn và cũng không quan tâm, thăm hỏi, giúp đỡ lẫn nhau. Bên cạnh đó, anh L cương quyết ly hôn, nếu không được xem xét thì anh cũng không thể quay lại chung sống với chị H, vì tình cảm không còn và tương lai, hạnh phúc cũng không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh L được ly hôn chị H là có căn cứ.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Sơn Chí L1, sinh ngày 04/11/2008, cháu Sơn Chí M, sinh ngày 29/7/2011 hiện do anh L đang trực tiếp nuôi dưỡng; cháu Sơn Cẩm T, sinh ngày 30/3/2013, cháu Sơn Chí D, sinh ngày 13/5/2015 hiện do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Môi trường sống, cách thức sinh hoạt hàng ngày, tâm lý các cháu ổn định đồng thời nguyện vọng các cháu muốn giữ nguyên nên tiếp tục giao cháu L1 và cháu M cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng; tiếp tục giao cháu T và cháu D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con: Anh L, chị H không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh L xác định tự thỏa thuận nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh L khai rằng giữa anh và chị H không nợ ai và không ai nợ ai anh, chị nên không đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Sơn Chí L về việc ly hôn chị Nguyễn Diệu H.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Sơn Chí L1, sinh ngày 04/11/2008 và cháu Sơn Chí M, sinh ngày 29/7/2011 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng; tiếp tục giao cháu Sơn Cẩm T, sinh ngày 30/3/2013 và cháu Sơn Chí D, sinh ngày 13/5/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh L, chị H không trực tiếp nuôi con vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, anh L phải chịu 300.000đ. Ngày 18 tháng 4 năm 2022, anh L đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số: 4677 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Anh L, chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Hứa Minh Hải